

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦ THỪA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27-7-2022

“V/v Tranh chấp ly hôn”

NH DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA - TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Phượng

Các hội thẩm nH dân: 1. Ông Bùi Mạnh Quyết

2. Ông Võ Đức Huy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Nhân - Thư ký Tòa án nH dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Kim Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số:174/2022/TLST-HNGĐ, ngày 25/5/2022 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 08/6/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị B**, sinh năm 1977. Địa chỉ: Ấp K, xã A, huyện T, tỉnh A.

2. Bị đơn: Ông **Lê Tấn Đ**, sinh năm 1971. Địa chỉ: Ấp K, xã A, huyện T, tỉnh A.

(Bà B có mặt. Ông Đ vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn bà Trần Thị B trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:*

Bà và ông Đ có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A ngày 06/5/2019. Thời gian đầu vợ chồng bà chung sống hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Ông Đ nói bà ngoại tình với đàn ông khác. Mọi chuyện trong gia đình do bà gánh vác. Chồng bà không có trách nhiệm, không bênh vực vợ trước gia đình bên chồng làm cuộc sống hôn nhân ngày càng rạn nứt và không thể hàn gắn. Nay không thể sống chung được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Bà và ông Đ có 03 con chung tên Lê Trần Bích T , sinh ngày 14/10/2004; Lê Khải H sinh ngày 04/12/2008 và Lê Thị Thùy D sinh ngày 09/9/2014. Khi ly hôn, bà B yêu cầu được nuôi dưỡng 03 con chung, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có

** Bị đơn ông Lê Tấn Đ trong biên bản lấy lời khai ngày 25/5/2022 và lời trình bày trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:*

Ông không đồng ý ly hôn với bà B vì thương các con, giữa ông và bà B không có mâu thuẫn. Ông và bà B có 03 con chung tên Lê Trần Bích T, sinh ngày 14/10/2004; Lê Khải H sinh ngày 04/12/2008 và Lê Thị Thùy D sinh ngày 09/9/2014. Nếu trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì con chung muốn sống với ông thì ông nuôi, không yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Vợ chồng ông có nợ ngân hàng nhưng ông không biết cụ thể ngân hàng nào. Ông cũng không có giữ hợp đồng vay tiền.

Tòa án tiến hành thụ lý vụ án, hòa giải nhưng không thành.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng. Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận một phần. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà B. Về con chung: Giao con chung Lê Trần Bích T , sinh ngày 14/10/2004; Lê Khải H sinh ngày 04/12/2008 cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Giao Lê Thị Thùy D , sinh ngày 09/9/2014 cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng. Về nợ chung: Không ai cung cấp tài liệu về nợ chung nên không có cơ sở xem xét. Về tài sản chung không ai yêu cầu chia tài sản chung nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền: Bà Trần Thị B nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Lê Tấn Đ. Căn cứ nơi cư trú của bị đơn, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa theo quy định tại Điều 28 và Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Lê Tấn Đ vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm lần 2 để xét xử nên Tòa án giải quyết vắng mặt ông Lê Tấn Đ theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà B và ông Đ được pháp luật công nhận là vợ chồng. Nay bà B kiên quyết xin ly hôn với ông Đ vì không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân này. Bà B cho rằng đã nộp đơn xin ly hôn 1 lần. Vì thương con, muốn các con có 1 gia đình trọn vẹn nhưng ngay ngày bà rút đơn thì ông Đ lại nói bà lấy người đàn ông khác đã làm tổn thương bà. Ngoài việc mâu thuẫn giữa 2 vợ chồng thì ông Đ còn không là người đứng ra bảo vệ bà trước cha mẹ, anh em của ông Đ.

Ông Đ thì cho rằng hai bên không có mâu thuẫn. Đó là sự hiểu lầm và yêu cầu Tòa án cho ông thời gian để hàn gắn.

Hội đồng xét xử xét thấy rằng, theo bản tự khai của các con bà B, ông Đ thể hiện giữa ông bà thường xuyên cãi nhau, không cùng tiếng nói chung, mất niềm tin, mâu thuẫn về tiền bạc, các con cũng đã khuyên nhủ nhưng không được, không thể hàn gắn được nên trả tự do cho nhau. Bà B đã nộp đơn xin ly hôn 1 lần. Ngày 04/5/2022, bà rút đơn và đã được Tòa án huyện Thủ Thừa đình chỉ tại Quyết định đình chỉ số 20/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04/5/2022. Sau khi rút đơn chỉ có nửa tháng thì bà B lại tiếp tục nộp đơn xin ly hôn. Như vậy, ông Đ cho rằng ông và bà B không có mâu thuẫn là không đúng. Trong buổi hòa giải tại Tòa án các bên không có giải pháp để hàn gắn hôn nhân mà chỉ nêu ra và tranh cãi về những lỗi lầm của nhau.

Như vậy, có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa hai bên là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà B là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về nuôi con chung:

Bà B và ông Đ có 03 con chung gồm: Lê Trần Bích T sinh ngày 14/10/2004, Lê Khải H sinh ngày 04/12/2008 và Lê Thị Thùy D sinh ngày 09/9/2014. Khi ly hôn, bà B yêu cầu được nuôi dưỡng 03 con chung, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con. Ông Đ xác định con chung nào muốn sống với ông thì ông nuôi dưỡng.

Bà B hiện nay đang làm nghề nail, buôn bán và cho vay thu nhập khoảng 30.000.000 đồng/tháng. Ông Đ thì làm cho vay tiền góp. Hiện nay, các con của ông bà sống trong căn nhà chung của hai vợ chồng tại ấp K, xã A, huyện T, tỉnh A. Con gái lớn Bích T đến ngày 14/10/2022 là đủ 18 tuổi và hiện đang học nghề. Con gái Khải H hiện đang học tại trường Trung học cơ sở A. Cháu Bích T và Khải H không biết chọn lựa sống cùng ai, còn cháu Thùy D thì muốn sống với bà B.

Xét thấy, bà B và ông Đ đều có quyền và nghĩa vụ nuôi dưỡng các con. Do con chung Thùy D có nguyện vọng sống với bà B nên giao cho bà B nuôi

đường. Hai con chung Bích T và Khải H có nhận thức tốt, có thể tự chăm sóc bản thân, có chỗ ở ổn định nên giao 2 con cho ông Đ nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà B, ông Đ không yêu cầu nên không ai phải cấp dưỡng nuôi người con mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng.

Mặc dù không trực tiếp nuôi dưỡng con chung, nhưng người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con chung thì cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền làm đơn yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con; mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về nợ chung: Bà B xác định không có nợ chung và không cung cấp tài liệu cho Tòa. Tại buổi hòa giải ngày 08/6/2022 ông Đ xác định không có nợ chung nhưng tại phiên tòa sơ thẩm ngày 27/6/2022, ông Đ yêu cầu cho ông thời hạn 3 ngày để cung cấp tên, địa chỉ ngân hàng mà vợ chồng ông đã nợ nhưng cho đến nay đã 30 ngày ông Đ cũng không cung cấp tài liệu, không phản hồi về nợ. Do các đương sự không ai cung cấp tài liệu thể hiện về việc nợ chung và không có cá nhân, tổ chức nào khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nợ chung của vợ chồng bà B và ông Đ nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong vụ án này, nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[2.4] Về tài sản chung: Bà B, ông Đ xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

Từ các phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của bà B là có căn cứ chấp nhận một phần như đề nghị của đại diện viện kiểm sát huyện Thủ Thừa.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Ông Đ không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84, 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị B về việc “Ly hôn” đối với ông Lê Tấn Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân : Bà Trần Thị B được ly hôn với ông Lê Tấn Đ.

2. Về con chung: Bà Trần Thị B và ông Lê Tấn Đ có 03 con chung.

Giao 02 con chung tên Lê Trần Bích T sinh ngày 14/10/2004 và Lê Khải H sinh ngày 04/12/2008 cho ông Lê Tấn Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Giao 01 con chung tên Lê Thị Thùy D, sinh ngày 09/9/2014 cho bà Trần Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Thị B, ông Lê Tấn Đ không ai phải cấp dưỡng nuôi người con mà ông, bà không trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Mặc dù không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con chung thì cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nH và gia đình có quyền làm đơn yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con; mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí:

Bà Trần Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002458, ngày 23/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An. Bà Trần Thị B đã nộp đủ án phí.

Ông Lê Tấn Đ không phải chịu án phí.

4. Án xử sơ thẩm, bà Trần Thị B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lê Tấn Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc từ ngày niêm yết bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- CCTHADS huyện Thủ Thừa;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- UBND xã A;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Mỹ Phượng